

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN L  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 07- 9-2022

V/v: Ly hôn giữa chị H và anh T

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Thị Thu Thủy

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Xuân Chung;

2. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Sơn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa:** Ông Lê Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022, về Tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15/8/2022, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1972 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Anh Quách Văn T, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 648, phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/4/2022 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:* Chị và anh Quách Văn T đăng ký kết hôn ngày 15/3/1992 tại UBND xã Tiên Nha, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn chị về chung sống cùng anh T ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2006 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, nhiều quan điểm sống không giống nhau và năm 2010 chị đã từng làm đơn xin ly hôn, nhưng anh T

hứa thay đổi nên chị lại thôi. Đến năm 2020 vợ chồng lại thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân, từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau, nay chị xác định tình cảm không còn, không thể hàn gắn được nữa, đề nghị giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh T có 02 con chung là Quách T Hà TH, sinh năm 1992 và Quách Sơn Tùng, sinh năm 2000. Hiện nay các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Anh Quách Văn T là bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2022, anh T trình bày về thời gian đăng ký kết hôn và quá trình chung sống đúng như chị H trình bày. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, bản thân anh chưa quan tâm đến vợ, con nhưng anh vẫn còn tình cảm với chị H, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng, các cháu đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng anh tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:*

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình, 227, 228, 238, 271, 272 và 273 BLTTDS; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Quách Văn T.

Về con chung, tài sản, công nợ các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí DSST.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các đương sự, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

228, 238 của BLTTDS xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Quách Văn T tự nguyện đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã Tiên Nha, huyện L, tỉnh Bắc Giang nên hôn nhân giữa chị H và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị H và anh T đã chấm dứt quan hệ tình cảm và kinh tế, sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được và tha thiết xin ly hôn. Anh T mong muốn vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh T cũng xác nhận vợ chồng có nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh không quan tâm đến vợ, con. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị H và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, xử: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Quách Văn T.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị H và anh T có 02 con chung là Quách T Hà TH, sinh năm 1992 và Quách Sơn Tùng, sinh năm 2000. Các cháu khỏe mạnh, phát triển bình thường và đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, 238, 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, 26, 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Quách Văn T.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013724 ngày 04/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

3. Về quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hợp lệ hoặc niêm yết bản án.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Hoài Mơ**

**Nguyễn Xuân Chung**

**Tạ Thị Thu Thủy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Tiên Nha, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Thị Thu Thủy**

